

Số: 1520/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc**  
**thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 21/TTr-SCT ngày 20/5/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

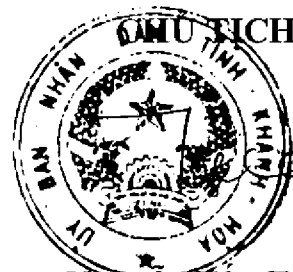
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, LH, DL.



Nguyễn Tân Tuấn

# DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

## 1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện</b>				
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện Mã số TTHC: 2.000599	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy điện thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	Không	Luật Thủy lợi năm 2017; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 8/7/2019 của Bộ Công Thương về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện Mã số TTHC: 1.000473	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy điện thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	Không	Luật Thủy lợi năm 2017; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 8/7/2019 của Bộ Công

		cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.			Thương về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện; Quyết định số 01/QĐ-BCT ngày 08/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
--	--	--------------------------------------	--	--	--

## II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa</b>				
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh Mã số TTHC: 2.000633 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản

					<p>xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
2	<p>Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p> <p>Mã số TTHC: 1.001279 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)</p>	<p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.</p>	<p>1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.</p>	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức</p>

					năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh Mã số TTHC: 2.000629 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá. - Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu Mã số TTHC: 2.000620 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

					<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
5	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu Mã số TTHC: 2.000615 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)</p>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh</p>

					<p>thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</li> <li>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</li> </ul>
6	<p>Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu Mã số TTHC: 2.001240 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)</p>	<p>07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.</p>	<p>Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-</li> </ul>

					<p>BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
7	<p>Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Mã số TTHC: 2.000181 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.</p>	<p>Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>	<p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của</p>



					<p>thuộc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li><li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li><li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số Điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</li><li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</li></ul>
--	--	--	--	--	---

					- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Mã số TTHC: 2.000162 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.	Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

					<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số Điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
--	--	--	--	--	---

9	<p>Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Mã số TTHC: 2.000150 (TTHC được công bố tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018)</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện.</p>	<p>Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công</li> </ul>
---	---	---	---	--	--

					<p>Thương quy định chi tiết một số Điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>- Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>
--	--	--	--	--	--

### III. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Quyết định công bố	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã,	2.001235	Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản



	thành phố thuộc tỉnh		của Chủ tịch UBND tỉnh	lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	2.001231	Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.002956	Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.